

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 301/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Quý.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 874/2024/TLST-DS ngày 21/10/2024, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 31/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty M; địa chỉ trụ sở: 91 đường P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L; địa chỉ: Phòng số 401 Tầng 4 – Tòa nhà số 793/49/1 đường T, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Ánh T, sinh năm 1978; địa chỉ: 105/5 ấp A (ấp T3 cũ), xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty M, có người đại diện hợp pháp là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Công ty M (gọi tắt là Công ty) cấp tín dụng cho bà Lê Ánh T khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm, theo Hợp đồng tín dụng số 3528143 ngày

22/8/2022, mỗi tháng bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.615.043 đồng trong 36 tháng từ ngày 25/9/2022 đến 25/9/2025.

Công ty đã giải ngân số tiền vay cho bà T đúng thỏa thuận đã ký. Bà T đã thanh toán tổng số tiền 11.390.043 đồng, trong đó nợ gốc là 3.340.279 đồng, lãi là 7.965.764 đồng, phí thu hộ là 84.000 đồng. Kể từ ngày 26/3/2023, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù đã được Công ty thông báo qua điện thoại, gửi thư nhắc. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/3/2025, bà T còn nợ tổng số tiền 59.296.185 đồng, gồm nợ gốc là 28.639.721 đồng, lãi trong hạn là 17.034.414 đồng, lãi quá hạn là 11.249.332 đồng, lãi chậm trả là 1.993.641 đồng.

Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán ngay tổng số tiền còn nợ nêu trên, phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 25/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn là bà Lê Ánh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn gửi Bản tự khai kèm bảng kê chi tiết về khoản vay, với yêu cầu cụ thể như sau: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Ánh T phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 05/6/2025 là 62.546.483 đồng, gồm nợ gốc là 28.639.721 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.413.491 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.151.360 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.341.911 đồng; yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 06/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hồ sơ tín dụng, bảng kê tính lãi chi tiết, có căn cứ xác định bà T đã vay số tiền 31.980.000 đồng theo hợp đồng ký ngày 22/8/2022, lãi suất 44%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mỗi tháng trả 1.615.043 đồng vào ngày 25 hàng tháng trong vòng 36 tháng từ ngày 25/9/2022 đến ngày 25/8/2025. Tuy nhiên, kể từ ngày 26/3/2023 đến nay, bà T không tiếp tục thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu người vay tiền thanh toán khoản vay có mục đích tiêu dùng cá nhân

theo hợp đồng đã ký. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hóc Môn. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, số tiền 28.639.721 đồng: Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3528143 ngày 22/8/2022 và trình bày của nguyên đơn, xác định bà T đã vay của Công ty M số tiền 31.980.000 đồng. Theo hợp đồng, bà T phải thanh toán khoản nợ trong 36 tháng, mỗi tháng trả 1.615.043 đồng tính từ ngày 25/9/2022 nhưng bà T chỉ thanh toán 07 tháng đầu từ ngày 25/9/2022 đến ngày 25/3/2023 với số tiền là 3.340.279 đồng, và không tiếp tục thanh toán kể từ ngày 26/3/2023 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán khoản nợ gốc còn nợ 31.980.000 đồng - 3.340.279 đồng = 28.639.721 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi, lãi chậm trả tính đến ngày 05/6/2025:

Theo hợp đồng, lãi suất trong hạn là 44%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10% x số dư lãi chậm trả x số ngày chậm trả. Mức lãi suất nêu trên là thỏa thuận tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, và các Điều 7, 8, 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Phía nguyên đơn trình bày bà T thanh toán tiền lãi đúng hạn trong 07 tháng đầu từ ngày 25/9/2022 đến ngày 25/3/2023 với tổng số tiền là 7.965.764 đồng, và không tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 26/3/2023 nên bà T phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/3/2023.

Do đó, tiền lãi được nguyên đơn tính theo bảng kê chi tiết lập ngày 05/6/2025 là đúng thỏa thuận tự nguyện của các bên, phù hợp các quy định viện dẫn nêu trên, với tiền lãi cụ thể: tiền lãi trong hạn là 17.413.491 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.151.360 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.341.911 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà T phải thanh toán tổng tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận; ngoài ra, bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi chậm trả theo hợp đồng từ ngày 06/6/2025 đến khi trả xong nợ.

[4] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *”Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ngày 29/5/2023, bà T trực tiếp ký tên tại Phiếu báo phát do Bưu cục Hóc Môn phát hành, về việc nhận các văn bản liên quan đến khoản vay do nguyên đơn gửi. Bà T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà T không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà T phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[5] Nội dung phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 7, 8, 10, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M:

Buộc bà Lê Ánh T phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền tính đến ngày 05/6/2025 là 62.546.483 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), gồm nợ gốc là 28.639.721 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.413.491 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.151.360 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.341.911 đồng, theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3528143 ngày 22/8/2022, giữa bên cho vay là Công ty M và bên vay là bà Lê Ánh T.

Kể từ ngày 06/6/2025 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, tiền lãi quá hạn, tiền lãi phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ánh T phải chịu số tiền 3.127.324 đồng (ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng), thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Công ty M số tiền 980.378 đồng (chín trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047148 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy